

Đơn vị: Trường Mầm non Mường Mươn
Bộ phận:
Mã QHNS: 1085786

Mẫu số: C53 – HD
Ban hành theo Thông tư số 24/2024/TT-BTC
Ngày 17/04/2024 của Bộ Tài chính

BIÊN BẢN KIỂM KÊ TSCĐ

Thời điểm kiểm kê: giờ ngày 31 tháng 12 năm 2025

Ban kiểm kê gồm:

- Ông/Bà: Phạm Thị Hương Diệp

Chức vụ: Hiệu trưởng

Đại diện: Trưởng ban

Trưởng ban
- Ông/Bà: Nguyễn Thị Thu Hồng

Chức vụ: Phó Hiệu Trưởng

Đại diện: Phó ban kiểm kê

Phó ban
- Ông/Bà: Hà Thị Thu Ngân

Chức vụ: Kế toán

Đại diện: Thành viên

Ủy viên
- Ông/Bà: Cà Văn Sung

Chức vụ: Bảo Vệ

Đại diện: Thành viên

Ủy viên

Đã kiểm kê TSCĐ, kết quả như sau:

STT	Tên tài sản cố định	Mã số TSCĐ	Nơi sử dụng	Theo sổ kế toán			Theo kiểm kê			Chênh lệch			Ghi chú
				Số lượng	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Số lượng	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Số lượng	Nguyên giá	Giá trị còn lại	
A	B	C	D	1	2	3	4	5	6	7	8	9	E
1	Giàn nước nóng năng lượng mặt trời	522	Trường MN số 1 Mường Mươn	1	22.000.000	16.500.000	1	22.000.000	16.500.000				
2	Giếng khoan	519	Trường MN số 1 Mường Mươn	1	50.000.000	40.000.000	1	50.000.000	40.000.000				
3	Gương Múa	Gương múa	Trường MN số 1 Mường Mươn	1	14.965.000	11.223.750	1	14.965.000	11.223.750				
4	Máy chiếu đa năng 2025	Máy chiếu đa năng 2025	Trường MN số 1 Mường Mươn	1	25.770.000	20.616.000	1	25.770.000	20.616.000				
5	Máy phát điện năng lượng mặt trời	520	Trường MN số 1 Mường Mươn	1	18.700.000	14.025.000	1	18.700.000	14.025.000				
6	Máy phát điện năng lượng mặt trời	521	Trường MN số 1 Mường Mươn	1	18.700.000	14.025.000	1	18.700.000	14.025.000				
7	Máy photocopy	mayphotocopy2025	Trường MN số 1 Mường Mươn	1	59.800.000	47.840.000	1	59.800.000	47.840.000				
8	Nhà công vụ	523	Trường MN số 1 Mường Mươn	1	670.740.400	178.618.165	1	670.740.400	178.618.165				
9	Nhà lớp học điểm bán pú mùa	Nhà lớp học điểm bán pú mùa 2025	Trường MN số 1 Mường Mươn	1	230.000.000	214.659.000	1	230.000.000	214.659.000				
10	Téc nước bồn inox 5000 N 2024	Téc nước	Trường MN số 1 Mường Mươn	1	16.990.000	12.742.500	1	16.990.000	12.742.500				

STT	Tên tài sản cố định	Mã số TSCĐ	Nơi sử dụng	Theo sổ kế toán			Theo kiểm kê			Chênh lệch			Ghi chú
				Số lượng	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Số lượng	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Số lượng	Nguyên giá	Giá trị còn lại	
A	B	C	D	1	2	3	4	5	6	7	8	9	E
11	Téc nước bồn inox 5000 N 2024	Téc nước l	Trường MN số 1 Mường Mươn	1	16.990.000	12.742.500	1	16.990.000	12.742.500				
12	Trường MN số 1 Mường Mươn Điểm trường Huổi Vang	Trường MN số 1 Mường Mươn Điểm trường Huổi Vang	Trường MN số 1 Mường Mươn	1	42.108.000	42.108.000	1	42.108.000	42.108.000				
13	nhà bàn huổi nhã	nhà ở bàn huổi nhã	Trường MN số 1 Mường Mươn	1	200.000.000	133.300.000	1	200.000.000	133.300.000				
14	Nhà lớp học 2 phòng Huổi Vang	003	Trường MN số 1 Mường Mươn	1	478.589.000	296.598.078	1	478.589.000	296.598.078				
15	Nhà lớp học 2 phòng Mường Mươn	002	Trường MN số 1 Mường Mươn	1	296.169.863		1	296.169.863					
16	Nhà lớp học bàn Pú Múa	T210440090 08-204-625593	Trường MN số 1 Mường Mươn	1	150.000.000	99.975.000	1	150.000.000	99.975.000				
17	Nhà ba cứng	NBC	Trường MN số 1 Mường Mươn	1	99.656.000		1	99.656.000					
18	Máy vi tính để bàn	513	Trường MN số 1 Mường Mươn	1	14.700.000	5.880.000	1	14.700.000	5.880.000				
19	Máy tính sách tay lenovo	515	Trường MN số 1 Mường Mươn	1	14.850.000	5.940.000	1	14.850.000	5.940.000				
20	Chạn đựng thức ăn	T210440090 08-204-625585	Trường MN số 1 Mường Mươn	1	14.179.000		1	14.179.000					
21	Máy photocopy Bizhub 266i	T210440090 08-204-625589	Trường MN số 1 Mường Mươn	1	59.870.000		1	59.870.000					
22	Bộ máy chiếu	MAY CHIEU 2019	Trường MN số 1 Mường Mươn	1	65.334.000		1	65.334.000					
23	Bộ máy chiếu	T210440090 08-204-625590	Trường MN số 1 Mường Mươn	1	69.000.000		1	69.000.000					
24	Máy chiếu	NBC14	Trường MN số 1 Mường Mươn	1	60.780.000		1	60.780.000					
25	Máy chiếu	NBC3	Trường MN số 1 Mường Mươn	1	59.767.000		1	59.767.000					
26	Ti vi LG 50 inch	TIVI 2019	Trường MN số 1 Mường Mươn	1	29.950.000		1	29.950.000					

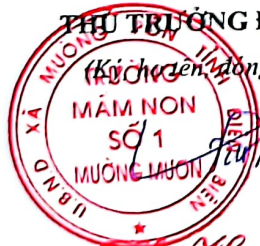
STT	Tên tài sản cố định	Mã số TSCĐ	Nơi sử dụng	Theo sổ kế toán			Theo kiểm kê			Chênh lệch			Ghi chú
				Số lượng	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Số lượng	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Số lượng	Nguyên giá	Giá trị còn lại	
A	B	C	D	1	2	3	4	5	6	7	8	9	E
27	Ti vi LG 50 inch	TIVI 2020	Trường MN số 1 Mường Mươn	1	29.950.000		1	29.950.000					
28	Bộ Micro điện tử không dây	T210440090 08-204-625591	Trường MN số 1 Mường Mươn	1	14.500.000		1	14.500.000					
29	Thiết bị âm thanh trợ giảng	50207	Trường MN số 1 Mường Mươn	1	14.950.000	2.990.000	1	14.950.000	2.990.000				
30	Bập bênh 2 con giống	T210440090 08-204-625586	Trường MN số 1 Mường Mươn	1	12.631.000	3.157.750	1	12.631.000	3.157.750				
31	Máy say thịt công nghiệp	NBC4	Trường MN số 1 Mường Mươn	1	13.731.000	5.835.675	1	13.731.000	5.835.675				
32	Máy xay thịt công nghiệp 2022	50222	Trường MN số 1 Mường Mươn	1	12.800.000	6.400.000	1	12.800.000	6.400.000				
33	Mâm quay 6 con giống	T210440090 08-204-625587	Trường MN số 1 Mường Mươn	1	69.396.000	17.349.000	1	69.396.000	17.349.000				
34	Xích đua rồng vàng có mái che	T210440090 08-204-625588	Trường MN số 1 Mường Mươn	1	67.549.000	16.887.250	1	67.549.000	16.887.250				
35	Bàn bếp hai hộc	504	Trường MN số 1 Mường Mươn	1	16.500.000	8.250.000	1	16.500.000	8.250.000				
36	Thang leo cầu trượt đơn	506	Trường MN số 1 Mường Mươn	1	15.220.000	7.610.000	1	15.220.000	7.610.000				
37	Thang leo cầu trượt đơn 2022	507	Trường MN số 1 Mường Mươn	1	15.220.000	7.610.000	1	15.220.000	7.610.000				
38	Thang leo cầu trượt đơn 2022	508	Trường MN số 1 Mường Mươn	1	15.220.000	7.610.000	1	15.220.000	7.610.000				
39	Thang leo cầu trượt đơn 2022	509	Trường MN số 1 Mường Mươn	1	15.220.000	7.610.000	1	15.220.000	7.610.000				
40	Phần mềm ăn bán trú	T210440090 08-204-625592	Trường MN số 1 Mường Mươn	1	19.000.000	7.600.000	1	19.000.000	7.600.000				
41	Phần mềm báo cáo thống kê giáo dục	NBC13	Trường MN số 1 Mường Mươn	1	18.000.000	7.200.000	1	18.000.000	7.200.000				
42	Phần mềm chế độ chính sách	031	Trường MN số 1 Mường Mươn	1	35.000.000	14.000.000	1	35.000.000	14.000.000				
43	Phần mềm giáo an	512	Trường MN số 1 Mường Mươn	1	20.000.000	8.000.000	1	20.000.000	8.000.000				

STT	Tên tài sản cố định	Mã số TSCĐ	Nơi sử dụng	Theo sổ kế toán			Theo kiểm kê			Chênh lệch			Ghi chú
				Số lượng	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Số lượng	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Số lượng	Nguyên giá	Giá trị còn lại	
A	B	C	D	1	2	3	4	5	6	7	8	9	E
44	phần mềm kiểm định chất lượng giáo dục	514	Trường MN số 1 Mường Mươn	1	19.900.000	7.960.000	1	19.900.000	7.960.000				
45	Phần mềm MISA Bumas 2022	511	Trường MN số 1 Mường Mươn	1	14.000.000	5.600.000	1	14.000.000	5.600.000				
46	Phần mềm MISA SalaGov 2022	510	Trường MN số 1 Mường Mươn	1	10.000.000	4.000.000	1	10.000.000	4.000.000				
47	Phần mềm quản lý bán trú	NBC8	Trường MN số 1 Mường Mươn	1	18.000.000	7.200.000	1	18.000.000	7.200.000				
48	Phần mềm quản nghiệp vụ học sinh và quản lý thiết bị	047	Trường MN số 1 Mường Mươn	1	17.000.000	6.800.000	1	17.000.000	6.800.000				
49	Điểm trường trung tâm trường MN Số 1 Mường Mươn	T210440090 08-204-625583	Trường MN số 1 Mường Mươn	1	232.900.800	232.900.800	1	232.900.800	232.900.800				
50	Trường MN Số 1 Mường Mươn điểm trường bản Pủ Múa	T210440090 08-10201-622734	Trường MN số 1 Mường Mươn	1	71.392.200	71.392.200	1	71.392.200	71.392.200				
51	Trường MN Số 1 Mường Mươn. điểm trường Huổi Nhà	T210440090 08-10201-622736	Trường MN số 1 Mường Mươn	1	12.645.600	12.645.600	1	12.645.600	12.645.600				
52	Máy tính xách tay Dell (Loại 1)	516	Phòng Hiệu Phó	1	14.900.000	8.940.000	1	14.900.000	8.940.000				
53	Máy tính xách tay Dell (Loại 1)	517	Phòng Hiệu Phó	1	14.900.000	8.940.000	1	14.900.000	8.940.000				
54	Máy tính xách tay Dell Vostro 3520	518	Phòng kế toán	1	14.900.000	8.940.000	1	14.900.000	8.940.000				
	Cộng			54	3.645.033.863	1.670.221.268	54	3.645.033.863	1.670.221.268				

Ý kiến giải quyết số chênh lệch:.....

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký, họ tên, đóng dấu)



Phạm Thị Hương Diệp

KẾ TOÁN TRƯỞNG

(Ký, họ tên)

(Signature)

Hà Thị Thu Ngân

P. TRƯỞNG BAN KIỂM KÊ

(Ký, họ tên)

(Signature)

Nguyễn Thị Thu Hồng